

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động số 20-CTr/TU ngày 10/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Kết luận số 203-KL/TW ngày 04/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện ở mức cao nhất mục tiêu tăng trưởng năm 2025, tạo đà vững chắc cho tăng trưởng bền vững ở mức 02 con số trong giai đoạn tới

Thực hiện Chương trình hành động số 20-CTr/TU ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Kết luận số 203-KL/TW, ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện ở mức cao nhất mục tiêu tăng trưởng năm 2025, tạo đà vững chắc cho tăng trưởng bền vững ở mức 02 con số trong giai đoạn tới (sau đây gọi tắt là *Chương trình hành động số 20-CTr/TU*); Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch để triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức quán triệt nghiêm túc, sâu sắc nội dung Chương trình hành động số 20-CTr/TU nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh về thực hiện mục tiêu tăng trưởng “02 con số” trong năm 2026 và giai đoạn 2026-2030; tiếp tục tăng trưởng nhanh và bền vững đến năm 2045.

- Tạo sự thống nhất, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo điều hành từ tỉnh đến cơ sở, sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của các cấp, các ngành trong triển khai thực hiện Chương trình hành động số 20-CTr/TU.

2. Yêu cầu

- Tổ chức thể chế hoá và thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra tại Chương trình hành động số 20-CTr/TU, phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển tỉnh Ninh Bình đến năm 2030 trở thành thành phố trực thuộc Trung ương với đặc trưng đô thị di sản thiên niên kỷ, thành phố sáng tạo.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể, tiến độ thực hiện, trách nhiệm giữa đơn vị chủ trì và các cơ quan đơn vị có liên quan trong việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu được xác định tại Chương trình hành động số 20-CTr/TU, đảm bảo thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động này, đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Các cấp, các ngành cần xác định việc thực hiện các giải pháp đột phá để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng “02 con số” trong năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 là một nhiệm vụ quan trọng trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị.

- Bảo đảm sự phối hợp thường xuyên, hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện Kế hoạch này; định kỳ tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện để đạt mục tiêu đề ra.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

(1). Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân giai đoạn 2025 - 2030 đạt tối thiểu 11%/năm.

(2). Cơ cấu kinh tế (GRDP theo giá hiện hành) đến năm 2030: Công nghiệp - xây dựng: 55,2%; Dịch vụ 30,8%; Nông, lâm nghiệp và thủy sản: 7,2%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 6,8%.

(3). GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đến năm 2030 phấn đấu đạt tối thiểu 180 triệu đồng.

(4). Đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số chiếm tối thiểu 30% trong tổng sản phẩm (GRDP); tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong tổng sản phẩm (GRDP) đạt trên 43%.

(5). Tốc độ tăng năng suất lao động đạt từ 9%/năm trở lên.

(6). Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn (giai đoạn 2025-2030): 1,39 - 1,45 triệu tỷ đồng (chiếm khoảng 38%/GRDP).

(7). Thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2030 đạt trên 110 nghìn tỷ đồng.

(8). Phấn đấu đến năm 2030 giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản trên 1 ha đất sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản đạt 220 triệu đồng trở lên.

(9). Đến hết năm 2030, tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt trên 40 tỷ USD; tổng giá trị kim ngạch nhập khẩu đạt 38,5 tỷ USD.

(10). Đến năm 2030, số lượt khách đến du lịch tại các khu/điểm du lịch đạt trên 30 triệu lượt; trong đó: khách quốc tế từ 4,0 - 4,5 triệu lượt; tổng doanh thu du lịch đạt trên 45 nghìn tỷ đồng.

III. NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP

1. Quy hoạch, tổ chức lại không gian phát triển phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh; huy động, tập trung nguồn lực đầu tư hoàn thiện hạ tầng khung hạ tầng kinh tế - xã hội

Quy hoạch, tổ chức lại không gian phát triển dựa trên tiềm năng, lợi thế của từng vùng, xác định các vùng động lực, hành lang phát triển phù hợp với định hướng chung của tỉnh, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, dài hạn, phân bổ nguồn lực hợp lý, liên kết vùng và phát huy hiệu quả. Tập trung hoàn thiện và thực hiện

hiệu quả điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, định vị, cấu trúc lại không gian phát triển từng ngành, lĩnh vực cụ thể để tạo đà tăng trưởng, tăng thu ngân sách, phù hợp với đơn vị hành chính mới và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

Thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch; Tổ chức lập mới, lập điều chỉnh các Quy hoạch chung đô thị và nông thôn; nghiên cứu, quy hoạch các khu vực phát triển đô thị, mở rộng không gian, dư địa tạo bứt phá trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân, như: phát triển đô thị hai bên bờ sông Đáy khu vực Hoa Lư, Ý Yên gắn với di sản; các đô thị TOD giáp khu vực nhà ga đường sắt tốc độ cao, cảng hàng không, cảng biển, khu kinh tế - khu công nghiệp, khu du lịch... Huy động, tập trung nguồn lực đầu tư hiện đại hóa nhanh chóng hạ tầng đô thị, nhất là xây dựng đô thị thông minh, sáng, xanh, sạch, đẹp, có bản sắc riêng.

2. Tiếp tục phát triển kinh tế xanh bền vững và hài hoà, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với đổi mới, tạo lập mô hình tăng trưởng mới, chất lượng cao; thực hiện tái cơ cấu kinh tế đồng bộ, toàn diện gắn với phát triển các ngành, lĩnh vực, khơi thông các nguồn lực, tạo không gian tăng trưởng mới; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của các vùng, khu vực. Làm mới động lực tăng trưởng truyền thống trên cơ sở thúc đẩy đầu tư, tiêu dùng và xuất khẩu, nhất là nâng cao hiệu quả đầu tư công trong dẫn dắt đầu tư tư nhân. Tạo động lực tăng trưởng mới dựa trên đẩy nhanh chuyển đổi số khu vực công, hỗ trợ và thúc đẩy khu vực tư chuyển đổi công nghệ, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế số, kinh tế sáng tạo. Kiên định thực hiện mục tiêu tăng trưởng 02 con số

a) Về công nghiệp: Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, có giá trị gia tăng lớn. Tập trung phát triển một số sản phẩm công nghiệp chủ lực trên cơ sở làm mới các ngành công nghiệp nền tảng truyền thống (*năng lượng, cơ khí, hóa chất, vật liệu xây dựng*) theo hướng hiện đại hóa, xanh hóa, thông minh hóa, tự động hóa, như cơ khí ô tô, điện khí, dệt may “xanh”, thép “xanh”, xi măng “xanh”; tăng tỷ trọng khu vực chế biến chế tạo, lấy công nghiệp cơ khí ô tô làm động lực, đồng thời, chú trọng thu hút đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp nền tảng mới, nhất là chip bán dẫn.

Xây dựng Đề án phát triển công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp hiện đại, thông minh, lấy công nghiệp công nghệ cao làm động lực trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2050. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hạ tầng Khu kinh tế Ninh Cơ, và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo quy hoạch, sớm đưa vào hoạt động; tiếp tục nghiên cứu quy hoạch và triển

khai thu hút đầu tư cảng hàng không, cảng biển nước sâu, mở rộng diện tích Khu kinh tế Ninh Cơ; tập trung thu hút các nhà đầu tư chiến lược đầu tư các dự án sử dụng công nghệ cao, công nghệ hiện đại, tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao, quản trị hiện đại, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu; các dự án công nghiệp công nghệ cao, sản xuất thông minh, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), chuyển đổi xanh, năng lượng xanh có giá trị gia tăng lớn. Đẩy nhanh hoàn thiện hạ tầng và tháo gỡ vướng mắc cơ chế, sớm đưa Khu công nghệ cao Hà Nam vào hoạt động, phát huy vai trò dẫn dắt chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Quy hoạch và đầu tư xây dựng Công viên Tri thức làm nền tảng cho xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

b) Về nông nghiệp: Thực hiện hiệu quả Kết luận số 219-KL/TW ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững, khai thác và phát huy lợi thế của tỉnh. Xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, đa giá trị, ứng dụng công nghệ cao, phát triển nông nghiệp số, nông nghiệp du lịch sinh thái cảnh quan.

Tập trung phát triển các sản phẩm nông nghiệp đặc sản, đặc hữu, đặc trưng phục vụ du lịch, các cây trồng, vật nuôi có lợi thế của tỉnh; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô phù hợp với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm đặc sản, OCOP có giá trị kinh tế và sức cạnh tranh cao. Đẩy mạnh khai thác và nuôi trồng thủy, hải sản với quy mô lớn, công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy, hải sản. Tập trung xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại, văn minh, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan, bản sắc văn hóa và các giá trị truyền thống.

c) Về dịch vụ:

- Cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại; nâng cao chất lượng, đa dạng hoá các loại hình dịch vụ gắn với phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo theo hướng có trọng tâm, trọng điểm. Phát triển du lịch cùng với công nghiệp văn hóa trở thành cụm ngành kinh tế mũi nhọn.

- Tập trung phát triển du lịch theo hướng mở rộng thị trường, gia tăng quy mô khách và doanh thu; khai thác hiệu quả lợi thế Di sản Văn hoá và Thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An và các giá trị lịch sử - văn hoá Cố đô Hoa Lư. Đẩy mạnh liên kết vùng, liên kết tuyến điểm; phát triển các hoạt động kích cầu du lịch, kéo dài thời gian lưu trú và gia tăng mức chi tiêu của du khách. Phát

triển hệ sinh thái sản phẩm du lịch dựa trên nền tảng di sản, văn hoá, sinh thái và bản sắc địa phương; coi ẩm thực, lễ hội, sự kiện và các trải nghiệm văn hoá là trụ cột tạo khác biệt cho điểm đến. Khuyến khích hình thành các sản phẩm, không gian và hoạt động du lịch có khả năng lan toả mạnh; thúc đẩy phát triển du lịch ban đêm, kinh tế dịch vụ và tiêu dùng xã hội, tạo động lực tăng trưởng mới cho ngành du lịch và kinh tế của tỉnh.

- Xây dựng, phát triển sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, nhất là dịch vụ du lịch, gắn du lịch di sản với khai thác các dịch vụ khác như: xây dựng công viên lịch sử quốc gia, công viên chủ đề, phim trường... nhằm giữ chân du khách, nâng cao giá trị cho ngành du lịch. Triển khai công tác xúc tiến, quảng bá du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm; từng bước xây dựng, lan toả thương hiệu du lịch Ninh Bình “Tuyệt sắc miền Cố Đô”. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý nhà nước, xúc tiến quảng bá và phát triển sản phẩm du lịch; xây dựng hệ sinh thái du lịch thông minh, nâng cao hiệu quả điều hành, chất lượng dịch vụ và trải nghiệm của du khách.

- Phát triển dịch vụ tài chính, ngân hàng, viễn thông, logistics, chuỗi bán lẻ gắn với thúc đẩy thương mại điện tử. Đẩy nhanh tiến độ thu hút, đầu tư xây dựng hệ thống logistics bảo đảm đồng bộ, hiện đại, kết nối, nhất là cảng hàng không, cảng biển nước sâu. Tập trung nguồn lực đầu tư nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ đáp ứng nhu cầu thị trường trên quy mô vùng, nhất là giáo dục đại học, y tế, thể thao, công nghiệp văn hóa.

d) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý điều hành thu - chi ngân sách nhà nước. Tổ chức khai thác tốt các nguồn thu, chú trọng nuôi dưỡng nguồn thu; đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; phân đấu hoàn thành dự toán thu ở mức cao nhất để đảm bảo nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách, rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết, chỉ ban hành mới cơ chế, chính sách chi ngân sách nhà nước khi có nguồn tài chính bảo đảm. Bố trí chi ngân sách theo hướng tích cực, tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng theo hướng đồng bộ.

đ) Tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại đầu tư công; nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án quan trọng, các công trình trọng tâm. Triển khai thực hiện công tác phân bổ, giao và thông báo kế hoạch vốn đầu tư công theo đúng quy định; đẩy nhanh tiến độ hoàn tất thủ tục đầu tư và giải ngân kế hoạch ngay từ những tháng đầu năm, phân đấu giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao. Kiểm soát chặt chẽ việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu

tư các dự án đầu tư công; tăng cường các biện pháp theo dõi, kiểm soát để không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

e) Quyết liệt chỉ đạo, xử lý dứt điểm các vấn đề tồn đọng, kéo dài. Tập trung rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các dự án; triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án. Phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo về giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc các dự án tồn đọng.

3. Tạo đột phá về phát triển kinh tế biển

- Phát triển vùng kinh tế ven biển đến năm 2030 là cực tăng trưởng phía Nam của tỉnh, tạo sức lan tỏa, tăng cường liên kết phát triển với các vùng động lực khác trong tỉnh và khu vực; đến năm 2045, trở thành một trong các trung tâm kinh tế, đô thị, logistics biển trọng điểm của Bắc Bộ và cả nước. Có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối giao thương hàng hóa, dịch vụ và văn hóa của vùng, cả nước và khu vực.

- Phát triển và mở rộng Khu kinh tế Ninh Cơ trở thành khu kinh tế ven biển tổng hợp, đa ngành, hiện đại. Cơ bản hình thành hệ thống đô thị ven biển phát triển theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với du lịch sinh thái, du lịch biển; khai thác hiệu quả, hợp lý không gian lấn biển, gắn với phát triển cảng nước sâu và các dịch vụ logistics, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế biển và liên kết vùng.

- Hình thành các cực tăng trưởng gắn với hạ tầng giao thông, logistics, đô thị và công nghiệp công nghệ cao; nghiên cứu kết nối đồng bộ các trung tâm kinh tế, đô thị và khu công nghiệp ven biển với hệ thống cao tốc, sân bay, đường sắt tốc độ cao và đường sắt đô thị, tuyến đường sắt ven biển Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh; phát triển các trục kết nối theo mô hình TOD, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế biển và liên kết vùng.

- Xây dựng, phát triển các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung lớn, có thương hiệu tại các xã Kim Đông, Rạng Đông, Hải Thịnh, Hải Xuân,... Phát triển du lịch sinh thái biển theo hướng bền vững, hài hòa giữa bảo tồn thiên nhiên, phát triển cộng đồng và khai thác giá trị di sản; xây dựng thương hiệu du lịch sinh thái Ramsar tầm khu vực, gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi hệ sinh thái và gìn giữ nguồn gen quý hiếm tại Vườn quốc gia Xuân Thủy.

4. Phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng trong phát triển kinh tế và là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của tỉnh; tập trung tái cơ cấu kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững; cùng với kinh tế nhà nước,

kinh tế tập thể xây dựng và phát triển kinh tế tỉnh Ninh Bình nhanh và bền vững theo yêu cầu của Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị

a) Xây dựng chính quyền kiến tạo, hỗ trợ kinh tế tư nhân phát triển bền vững. Rà soát, điều chỉnh các cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi và bình đẳng cho doanh nghiệp tư nhân tiếp cận vốn, đất đai, các chính sách ưu đãi và nguồn lực khác. Tăng cường ứng dụng chuyển đổi số nhằm cắt giảm tối đa thời gian xử lý thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ pháp luật và điều kiện kinh doanh. Thực hiện hiệu quả chương trình liên kết, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho kinh tế tư nhân. Quan tâm bố trí nguồn lực từ ngân sách cho các chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, kết hợp huy động nguồn lực từ các quỹ đầu tư của các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, ngành hàng, viện nghiên cứu, trường đại học...

b) Tiếp tục đổi mới công tác xúc tiến đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, thực chất, đồng bộ, đột phá, có trọng tâm, trọng điểm, có tầm nhìn dài hạn, gắn với phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương thuộc tỉnh Ninh Bình (DDCI), qua đó tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực; chú trọng củng cố mối quan hệ giữa chính quyền các cấp với người dân, doanh nghiệp với phương châm “*Chính quyền đồng hành, cầu thị, lắng nghe, tháo gỡ một cách thực chất các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp*”. Tăng cường sự phối hợp, liên kết giữa trung ương với địa phương, giữa các vùng, giữa các cơ quan nhà nước với hiệp hội nghề nghiệp, các doanh nghiệp; xây dựng mối liên kết giữa khu vực đầu tư nước ngoài với các doanh nghiệp trong nước để tạo sự lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Tăng cường kiểm tra, xử lý các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách chậm tiến độ, sử dụng đất kém hiệu quả, kiên quyết thu hồi các dự án đã được giao đất, cho thuê đất, triển khai chậm tiến độ, chậm đưa đất vào sử dụng, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư.

5. Tập trung hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là công trình hạ tầng giao thông; đẩy mạnh phát triển đô thị, nâng cao tỷ lệ đô thị hoá

a) Đẩy mạnh đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại; ưu tiên đầu tư, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các công trình giao thông quan trọng có tính chất kết nối vùng, liên vùng, kết nối các khu du lịch trọng điểm, các khu, cụm công nghiệp với hệ thống quốc gia để thu hút phát triển công nghiệp, du lịch, mở rộng không gian đô thị, tạo dư địa và động lực phát triển kinh

tế xã hội... Tập trung nguồn lực hoàn thiện hệ thống hạ tầng khung, chỉnh trang đô thị Ninh Bình; các dự án phục vụ phát triển du lịch, dịch vụ, công nghiệp văn hóa gắn với kinh tế di sản làm mũi nhọn; các dự án tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị lịch sử Cố đô Hoa Lư...; xây dựng thiết chế văn hóa. Tập trung đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo an ninh, quốc phòng, an sinh xã hội, phát triển kinh tế số, xã hội số, thúc đẩy ứng dụng công nghệ số đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế cao; ưu tiên các công trình hạ tầng thiết yếu như thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai, bảo đảm an toàn sản xuất và đời sống nhân dân.

b) Khai thác, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ cho phát triển kinh tế, trọng tâm là tái cơ cấu đầu tư công gắn với sử dụng hợp lý các giải pháp quản lý tài chính, phân đấu đến giữa nhiệm kỳ 2025 - 2030 bảo đảm tự chủ ngân sách. Hoàn thành tuyến đường bộ ven biển, tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng...; triển khai, thi công hoàn thiện hệ thống giao thông đường bộ nhất là các tuyến đường kết nối 03 đô thị trung tâm Phủ Lý - Hoa Lư - Nam Định; chuẩn bị tốt các điều kiện đảm bảo tiến độ thi công tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam đoạn qua địa bàn tỉnh theo kế hoạch; quy hoạch, thu hút đầu tư cảng hàng không ngay sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; phát triển hệ thống hạ tầng logistics, cảng biển, khu kinh tế ven biển đồng bộ, hiện đại, kết nối vùng duyên hải với nội địa và quốc tế.

c) Tập trung thu hút, huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển nhất là nguồn lực ngoài ngân sách. Thúc đẩy các cơ chế vượt trội về đất đai, tài chính, thủ tục hành chính để thu hút đầu tư vào các vùng động lực, khu kinh tế, khu công nghệ cao. Mở rộng các hình thức đầu tư theo đối tác công tư (PPP) trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường.

d) Tăng cường các giải pháp thúc đẩy đô thị hoá và phát triển đô thị bền vững, nhất là đô thị thông minh, đô thị sáng tạo; phát triển đô thị dọc các hành lang phát triển, vùng động lực, khu công nghiệp, dọc hai bên bờ sông Đáy. Triển khai thực hiện rà soát, điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; phân định chức năng đô thị rành mạch, tránh chồng lấn, xung đột, trên cơ sở kế thừa quy hoạch đô thị hiện hữu, đồng thời điều chỉnh, bổ sung các chức năng mới trong điều kiện tổ chức lại không gian phát triển. Đẩy mạnh thu hút mọi nguồn lực để đầu tư, ưu tiên thu hút đầu tư các dự án nhà ở xã hội, các dự án khu đô thị, khu nhà ở đáp ứng nhu cầu sử dụng, tránh lãng phí tài nguyên đất. Phân đấu tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2030 đạt trên 60%.

6. Thực hiện hiệu quả đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 về đột phá khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy chuyển đổi số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh, chuyển đổi xanh và phát triển kinh tế tuần hoàn. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh. Quy hoạch và đầu tư xây dựng Công viên Tri thức làm nền tảng cho xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Nghiên cứu xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo tại các phường Hà Nam, Hoa Lư, Nam Định. Xây dựng chính sách thu hút nhân lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chất lượng cao.

Xây dựng, phát triển và vận hành Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh Ninh Bình phục vụ chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu và tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp giai đoạn 2026 - 2030.

7. Khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên

Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất đai, nước, khoáng sản; bảo vệ môi trường, thúc đẩy chuyển đổi xanh toàn diện, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đất đai; tăng cường thanh tra, kiểm tra, kịp thời xử lý các vi phạm, khắc phục tình trạng lãng phí, sử dụng đất kém hiệu quả, đặc biệt là các dự án chậm tiến độ. Hoàn thành đăng ký đất đai, đo đạc bản đồ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản; áp dụng công nghệ hiện đại trong khai thác đi đôi với phục hồi môi trường, cải tạo cảnh quan. Thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo hướng xanh, sinh thái đối với các khu vực đã khai thác hết trữ lượng khoáng sản.

Tăng cường quản lý, bảo vệ và khai thác bền vững tài nguyên nước mặt và nước ngầm; bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, phòng ngừa suy thoái, cạn kiệt

và ô nhiễm nguồn nước. Đẩy mạnh thu gom, xử lý chất thải theo hướng kinh tế tuần hoàn, cộng sinh công nghiệp, hạn chế tối đa phát sinh ô nhiễm môi trường. Tập trung giải pháp khắc phục ô nhiễm mặt nước, không khí, tiếng ồn ở một số khu vực, nhất là ô nhiễm sông Nhuệ, sông Đáy, khu vực khai thác khoáng sản, các làng nghề, cụm công nghiệp.

Tăng cường đầu tư bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ các loài và sinh cảnh quý hiếm. Thúc đẩy trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh gắn với phát triển và hoàn thiện hệ thống hạ tầng xanh. Đẩy nhanh lộ trình tham gia thị trường tín chỉ các-bon; khuyến khích các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính, hấp thụ các-bon và phát triển kinh tế các-bon thấp, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

8. Phát triển văn hóa, xã hội

a) Hoàn thiện các thủ tục đề nghị UNESCO công nhận Khu du lịch Tam Chúc và Khu bảo tồn thiên nhiên Vân Long là di sản thiên nhiên thế giới. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Ninh Bình đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống, xây dựng Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương với đặc trưng đô thị di sản. Tăng cường huy động nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hóa, xây dựng các thiết chế văn hoá lớn, mang tính biểu tượng của vùng đất Cố đô, đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa, xã hội địa phương, phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tinh thần của nhân dân và phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch, dịch vụ.

b) Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Xây dựng Đề án phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Giữ vững thành tích nhóm tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về giáo dục toàn diện, nhất là giáo dục thành tích cao trong các kỳ thi tốt nghiệp THPT, thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế. Khẩn trương, quyết liệt đẩy mạnh phong trào “bình dân học vụ số”, phổ cập kiến thức số, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, coi trọng bồi dưỡng năng khiếu, thúc đẩy giáo dục STEAM. Đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia, hiệu quả hoạt động của các trường dạy nghề nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của tỉnh. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để hỗ trợ hoặc đầu tư xây dựng một số trường đại học, cao đẳng của các bộ, ngành Trung ương và đầu tư hoàn thiện hạ tầng Khu đại học Nam Cao;

xây dựng các cơ chế chính sách để thu hút các nhà đầu tư trong nước và quốc tế vào lĩnh vực giáo dục.

c) Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Khuyến khích, thu hút đầu tư phát triển cơ sở y tế tư nhân, đặc biệt là các bệnh viện tư nhân chất lượng cao tại các đô thị, khu dân cư tập trung trên địa bàn tỉnh. Rà soát, sắp xếp lại hệ thống y tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả y tế cơ sở phù hợp với đơn vị hành chính mới, bảo đảm nhu cầu chăm sóc sức khỏe người dân tại các khu vực trên địa bàn tỉnh, tạo nền tảng vững chắc để phát triển hệ thống y tế hiệu quả, chất lượng và bền vững. Tập trung cơ chế, chính sách hỗ trợ để xây dựng Trung tâm y tế và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao tại khu vực phía Bắc của tỉnh, thu hút từ 1 - 2 bệnh viện đạt tiêu chuẩn quốc tế đầu tư tại tỉnh. Thực hiện các giải pháp đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn diện trong chăm sóc sức khỏe, quản lý dữ liệu ngành làm cơ sở xây dựng chiến lược phát triển ngành Y tế của tỉnh.

d) Tăng cường công tác đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện tốt chính sách ưu đãi đối với người có công, phúc lợi xã hội, giảm nghèo bền vững, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới; chính sách dân tộc, tôn giáo, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa; đẩy mạnh việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề và hỗ trợ tạo việc làm theo hướng bền vững. Xây dựng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và trọng dụng nhân tài tỉnh Ninh Bình đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

9. Nâng cao hiệu quả kết hợp giữa việc thúc đẩy tăng trưởng nhanh với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh

Tăng cường đầu tư và ứng dụng khoa học công nghệ trong nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Quy hoạch không gian phát triển kinh tế và thể trận quốc phòng, an ninh bảo đảm phục vụ mục tiêu tăng trưởng kinh tế và có thể chuyển trạng thái nhanh cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh mà không làm gián đoạn chuỗi sản xuất trong nước. Tiếp tục xây dựng, củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân gắn thể trận quốc phòng toàn dân với thể trận an ninh nhân dân, kết hợp chặt chẽ giữa củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hoá xã hội và đối ngoại.

Nâng cao năng lực tác chiến bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng; bảo đảm an ninh số, an ninh mạng, an ninh, an toàn thông tin; bảo đảm an ninh dữ liệu; đảm bảo vững chắc chủ quyền, an ninh tuyến biển, chủ động, ứng phó kịp thời với các tình huống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; củng cố lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

10. Triển khai đồng bộ, hiệu quả, toàn diện công tác đối ngoại, tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các nguồn lực để thúc đẩy phát triển

Triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả công tác đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế gắn với việc triển khai hiệu quả đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhằm tăng cường thu hút nguồn lực phục vụ phát triển bền vững của địa phương. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, đưa đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Tích cực hợp tác với UNESCO và các định chế quốc tế, phát huy sức mạnh mềm của ngoại giao văn hóa, ngoại giao nhân dân, mở rộng quan hệ giữa các đô thị di sản, các trung tâm du lịch. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư từ các nước phát triển (*như các nước EU, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc...*) để tiếp nhận công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và tham gia sâu hơn vào các khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu. Đổi mới nội dung, phương pháp công tác đối ngoại, triển khai các đoàn ra hiệu quả, thiết thực, gắn với các chương trình thúc đẩy mở rộng các đối tác quốc tế. Khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút các nguồn vốn FDI, ODA, các nguồn vốn khác cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

(Có danh mục các nhiệm vụ, đề án, dự án cần triển khai để thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số” kèm theo).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở các nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động số 20-CTr/TU và các nội dung nêu tại Kế hoạch này, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện;

Chỉ đạo cụ thể hóa trong chương trình, kế hoạch công tác của đơn vị, địa phương theo lĩnh vực phụ trách. Xác định các nhiệm vụ trọng tâm của từng ngành, lĩnh vực phụ trách để tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường đề cao trách nhiệm của người đứng đầu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả triển khai thực hiện các nội dung trong Kế hoạch theo lĩnh vực, địa bàn và chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc và tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch này, báo cáo kết quả thực hiện lồng ghép vào kết quả thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, cả năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Đảng ủy UBND tỉnh;
 - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
 - Các Sở, ban, ngành;
 - Ủy ban nhân dân các xã, phường;
 - Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP và các VP, Ban, TT;
 - Lưu: VT, VP2.
- ĐVN-VP2

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Song Tùng